

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Ông Nguyễn Cửu Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST- HNGĐ ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Võ V, sinh năm: 1983;

Địa chỉ thường trú: Tổ 19, Ấp S, xã B, huyện C, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: 16.03 Lầu 16, Khối A, Chung cư P, Khu phố 4, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Diễm P, sinh năm: 1985.

Địa chỉ thường trú: Tổ 19/19, Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh B

Chỗ ở hiện nay: 16.03 Lầu 16, Khối A, Chung cư P, Khu phố 4, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn- ông Trương Võ V trình bày:

Ông Trương Võ V và bà Phạm Thị Diễm P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 8/2013, quyển số 02/2011 ngày 16/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2014, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Mỗi khi vợ chồng có cãi vã, bà P mất kiểm soát về hành vi, đập đồ đạc trong nhà, bỏ về nhà mẹ đẻ hoặc qua nhà bạn ở. Những hành động trên lặp đi lặp lại trong nhiều năm và kéo dài cho đến nay. Tuy nhiên ông V vẫn bỏ qua để vợ chồng cùng nuôi dạy con.

Vào tháng 10 năm 2019, ông V có nộp Đơn xin ly hôn với bà Phạm Thị Diễm P tại Tòa án nhân dân Quận 2. Được Tòa án hòa giải, động viên ông V có làm Đơn xin rút đơn ly hôn để hòa giải đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, bà P không sửa đổi nhiều, vẫn thường xuyên đi sớm, về khuya, không quan tâm, chăm lo đến gia đình, con cái.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ông V đề nghị được ly hôn với bà Phạm Thị Diễm P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung:

Ông Trương Võ V khai có 01 con chung tên Trương Nguyên Xuân A, sinh ngày: 09/5/2015. Do trẻ Xuân A là bé gái, nên ông V cho rằng giao trẻ cho mẹ nuôi sẽ tốt hơn cho trẻ. Ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu đồng), thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Bị đơn- bà Phạm Thị Diễm P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án được thụ lý từ ngày 02/01/2020 đến ngày 01/6/2020 mới đưa vụ án ra xét xử là vi phạm 01 tháng so với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Võ V và bà Phạm Thị Diễm P kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 8/2013, quyển số 02/2011 ngày 16/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B. Năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Năm 2019, ông V nộp Đơn xin ly hôn nhưng được hòa giải nên rút đơn. Ngày 12/12/2019, ông V nộp Đơn xin ly hôn lại. Căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận Đơn ly hôn của ông Trương Võ V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nguyên Xuân A, sinh ngày: 09/5/2015. Ông V đồng ý giao cho con chung cho bà Phạm Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu đồng), thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 (đương lịch) hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận 2 nhận định:

1. Về mặt tố tụng:

Ông Trương Võ V xin ly hôn bà Phạm Thị Diễm P, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Phạm Thị Diễm P hiện đang cư trú tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị Diễm P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ 1, Giấy triệu tập đương sự vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 24/6/2020 cho tất cả các đương sự trong hồ sơ vụ án nhưng bà P vắng mặt, ông V có mặt. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự yêu cầu các bên có mặt tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 21/7/2020 để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng tại Tòa hôm nay, nguyên đơn- ông Trương Võ V có Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn- bà Phạm Thị Diễm P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà P.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Võ V và bà Phạm Thị Diễm P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 8/2013, quyển số 02/2011 ngày 16/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông V và bà P được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên Tòa hôm nay ông V vắng mặt nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông V trình bày: Từ năm 2014, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Mỗi khi vợ chồng có cãi vã, bà P mất kiểm soát về hành vi, đập

đồ đạc trong nhà, bỏ về nhà mẹ đẻ hoặc qua nhà bạn ở. Những hành động trên lặp đi lặp lại trong nhiều năm, tuy nhiên ông V vẫn bỏ qua để vợ chồng cùng nuôi dạy con. Vào tháng 10 năm 2019, ông V có nộp Đơn xin ly hôn với bà Phạm Thị Diễm P tại Tòa án nhân dân Quận 2. Được Tòa án hòa giải, động viên ông V rút đơn xin ly hôn để hòa giải đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, bà P không sửa đổi nhiều, vẫn thường xuyên đi sớm, về khuya, không quan tâm, chăm lo đến gia đình, con cái. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ông V đề nghị được ly hôn với bà Phạm Thị Diễm P để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương, hai vợ chồng cùng nhau vun đắp để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thực tế cuộc sống hôn nhân giữa ông V và bà P phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Năm 2019, ông V đã nộp Đơn xin ly hôn với bà P tại Tòa án nhân dân Quận 2. Sau đó được Tòa án hòa giải, ông V rút Đơn xin ly hôn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án nhân dân Quận 2 cũng đã nhiều lần triệu tập bà Phạm Thị Diễm P đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của bà P về yêu cầu khởi kiện của ông V cũng như tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bà P đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Tòa án nhân dân Quận 2 đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông Trương Võ V và bà Phạm Thị Diễm P tại Ủy ban nhân dân phường Đ nhưng được trả lời là không có thông tin. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Trương Võ V.

Về con chung: Ông V khai có 01 con chung tên Trương Nguyên Xuân A, giới tính: nữ, sinh ngày: 09/5/2015. Ông V đồng ý giao cho con chung cho bà Phạm Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu đồng), thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 (đương lịch) hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 288/2015, Quyền số 02/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thì trẻ Trương Nguyên Xuân A, giới tính nữ, sinh ngày: 09/5/2015 là con chung của ông Trương Võ V và bà Phạm Thị Diễm P. Ông V đồng ý giao cho con chung cho bà Phạm Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu đồng). Tòa án nhân dân Quận 2 tiến hành xác minh về điều kiện nuôi con chung tại Ủy ban nhân dân phường Đ nhưng được trả lời là không có thông tin. Do trẻ Xuân A còn nhỏ và là con gái nên việc giao trẻ cho mẹ nuôi sẽ bảo đảm quyền lợi cho trẻ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trương Võ V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu đồng) do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Ông V khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) ông Trương Võ V phải chịu. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) ông Trương Võ V phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0027203 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông V còn phải nộp bổ sung số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Võ V:

Về hôn nhân: Ông Trương Võ V được ly hôn bà Phạm Thị Diễm P.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 8/2013, quyền số 02/2011 ngày 16/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao con chung tên Trương Nguyên Xuân A, giới tính: nữ, sinh ngày: 09/5/2015 cho bà Phạm Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu đồng), thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 (dương lịch) hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Diễm P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo đúng thời hạn nêu trên, thì hàng tháng ông V còn phải chịu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho bà P theo mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Trương Võ V được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Trương Võ V phải chịu án phí hôn nhân và đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Ông V còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo AA/2018/0027203 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông V còn phải nộp bổ sung số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Bà P không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Trương Võ V, bà Phạm Thị Diễm P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga